

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ N
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2022/HSST
Ngày: 16/02/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N - TỈNH NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Bình.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Văn Mão

2. Bà Nguyễn Thị Dung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Quỳnh Anh, Thư ký - Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phụng - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 02 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 12/2022/TLST-HS ngày 19 tháng 01 năm 2022; Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2022/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 01 năm 2022, đối với bị cáo:

Họ và Tên: **Lê Tuấn A**, (tên gọi khác: Không); Giới tính: Nam; Sinh năm 1996, tại Ninh Bình; Trú tại: thôn T, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình; Trình độ văn hoá: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Lê Đình D và bà Lê Thị Q; Bị cáo là con duy nhất trong gia đình; Vợ, con: chưa có; Tiền án, tiền sự: chưa có;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 28/11/2021 đến nay, (Có mặt).

Bị hại: anh Phan Văn T, sinh năm 1983; Nơi ở: số 02, ngõ 287, đường Phạm T, phố T, phường N, thành phố N (Vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: anh Trần Anh T1, sinh năm 1983; địa chỉ: ki ốt 19, khu tập thể S, đường N, phố N, phường T, thành phố N, (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 07 giờ ngày 12/9/2021, Lê Tuấn A điều khiển xe mô tô nhãn hiệu SIRENA biển kiểm 35F3-1..5 đi từ nhà đến khu nhà trọ tại số nhà 02, ngõ 587, đường Phạm T, phố T, phường N, thành phố N để tìm anh Trần Văn T2 sinh năm 1996, trú tại phố T, phường N để lấy tiền nợ. Do anh T2 không có nhà nên Tuấn A đã sang phòng trọ của bạn gái là chị Hoa, quê ở Thanh Hóa (không rõ năm sinh,

địa chỉ cụ thể) ở phòng số 03 cùng khu nhà trọ với T2 để rủ chị Hoa đi chơi nhưng thấy cửa phòng chị Hoa khóa cửa nên Tuấn A đi về. Khi đi qua phòng số 02 của anh Phan Văn T sinh năm 1983 trú tại xã T, huyện K, tỉnh Ninh Bình, Tuấn A quan sát thấy cửa phòng mở, không có ai trong phòng, phía bên trái của phòng có kê 01 bàn uống nước. Trên mặt bàn có để 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A31 màu đen của anh Phan Văn T. Tuấn A nảy sinh ý định trộm cắp chiếc điện thoại để bán lấy tiền tiêu sài cá nhân nên đã đi vào trong phòng lấy chiếc điện thoại rồi cất vào túi quần bên phải đang mặc. Sau đó Lê Tuấn A điều khiển xe mô tô đi tìm nơi tiêu thụ. Khi đi đến khu vực đường Phạm T, phố T, phường N, thành phố N, Tuấn A dừng xe tháo vỏ ốp lưng và sim của chiếc điện thoại vừa trộm cắp được vắt ở dọc đường rồi mang chiếc điện thoại trên đến cửa hàng điện thoại di động Anh Tiến của anh Trần Anh T1 sinh năm 1983 tại ki ốt 19, khu tập thể S, đường N, phố N, phường T, thành phố N bán giá 800.000 đồng. Số tiền trên Lê Tuấn A đã tiêu xài cá nhân hết. Sau khi mua được chiếc điện thoại Trần Anh T1 đã bán lại chiếc điện thoại cho một người khách đi đường (không rõ họ tên, địa chỉ) với giá 1.200.000 đồng.

Sau khi bị mất tài sản đến ngày 01/10/2021 anh Phan Văn T đã đến công an phường N trình báo sự việc. Công an phường N đã tiến hành rà soát đối tượng và triệu tập Lê Tuấn A làm việc. Quá trình làm việc, Lê Tuấn A đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Ngoài ra còn thu giữ của Lê Tuấn A 01 xe mô tô nhãn hiệu SIRENA biển kiểm 35F3-1..5.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 77/KL-HĐĐGTS ngày 11/11/2021 của Hội đồng định giá tài sản UBND thành phố N kết luận: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A31 màu đen đã qua sử dụng có giá trị 2.700.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 18/CT-VKS ngày 17/01/2022 Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, tỉnh Ninh Bình đã truy tố bị cáo Lê Tuấn A về tội “Trộm cắp tài sản”; theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự (BLHS).

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên; Bị cáo và bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì về các kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 77/KL-HĐĐGTS ngày 11/11/2021 của UBND thành phố N, tỉnh Ninh Bình.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo Lê Tuấn A đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”. Đề nghị Hội đồng xét xử: tuyên bố bị cáo Lê Tuấn A phạm tội “Trộm cắp tài sản”; Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 BLHS; Xử phạt Lê Tuấn A từ 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Lê Tuấn A cho UBND xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình theo dõi giám sát giáo dục trong thời gian chấp hành án. Gia đình bị cáo Lê Tuấn A có trách nhiệm phối hợp với UBND xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình trong việc giám sát giáo dục bị cáo;

Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Kiểm sát viên, những người tham gia tố tụng không có ý kiến gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Bị cáo không tranh luận gì với lời luận tội của Kiểm sát viên.

Bị cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra bị cáo, bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa là khách quan; phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra; phù hợp với lời khai của người bị hại, lời khai người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như: biên bản tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm; Biên bản sự việc; biên bản xác định hiện trường, sơ đồ hiện trường; Bản kết luận định giá sản số 77/KL-HĐĐGTS ngày 11/11/2021 của Hội đồng định giá tài sản Ủy ban nhân dân thành phố N và nội dung Bản cáo trạng. Như vậy, đã có đủ căn cứ kết luận: Khoảng 07 giờ ngày 12/9/2021 tại phòng trọ của anh Phan Văn T ở số nhà 02, ngõ 587, đường Phạm T, phố T, phường N, thành phố N, Lê Tuấn A đã lén lút chiếm đoạt của anh Phan Văn T 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A31 màu đen có giá trị là 2.700.000 đồng.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi, trách nhiệm hình sự, phạm tội do lỗi cố ý; Đối chiếu với quy định của pháp luật hình sự thấy: hành vi, tội danh và điều khoản áp dụng tại bản cáo trạng, lời luận tội, các chứng cứ buộc tội đối với bị cáo như Kiểm sát viên trình bày tại phiên tòa là có căn cứ. Vì vậy, hành vi nêu trên của bị cáo Lê Tuấn A là phạm tội “Trộm cắp tài sản”; tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS.

Bị cáo có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết tăng nặng: bị cáo không có.

Tình tiết giảm nhẹ: khi bị triệu tập lên cơ quan công an làm việc bị cáo đã tự giác khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả số tiền 6.000.000 đồng giá trị chiếc điện thoại cho người bị hại; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do vậy, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 BLHS;

Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội; các tình

tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: Để tạo điều kiện cho bị cáo cải tạo, sửa chữa lỗi lầm; do đó, không cần thiết phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù vì có khả năng tự cải tạo và việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự, an toàn xã hội. Do đó cần áp dụng Điều 65 BLHS giao các bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục và ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo là có căn cứ, phù hợp.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Ngày 15/10/2021 Lê Tuấn A đã tự nguyện bồi thường số tiền 6.000.000 đồng cho anh T. Anh T đã nhận đủ số tiền và không có yêu cầu, đề nghị gì khác; do đó, hội đồng xét xử không xét.

[4]. Các vấn đề khác:

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A31, sau khi mua chiếc điện thoại trên của Lê Tuấn A, anh Trần Anh T1 đã bán cho một người đi đường không rõ tên tuổi, địa chỉ nên không có căn cứ để thu giữ.

- Đối với anh Trần Anh T1 là người đã mua 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A31 của Lê Tuấn A. Anh Tiến không biết đó là tài sản do Tuấn A phạm tội mà có nên không có cơ sở để xử lý đối với anh Tiến.

- Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu SIRENA biển kiểm 35F3-1..5, quá trình điều tra xác định là của ông Lê Đại Sỹ sinh năm 1960, trú tại thôn T, xã N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình. Ông S đã cho Tuấn A mượn chiếc xe trên làm phương tiện đi lại. Ông Sỹ không biết ngày 12/9/2021, Tuấn A sử dụng chiếc xe trên để đi trộm cắp. Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe trên cho ông Sỹ. Ông Sỹ đã nhận lại tài sản không có đề nghị gì.

- Đối với 01 ốp lưng và sim của chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A31 Tuấn A vớt ở khu vực đường Phạm T, phố T, phường N, thành phố N, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố N đã tổ chức truy tìm nhưng không đạt kết quả.

[5] Về án phí hình sự sơ thẩm bị cáo phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự. Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu án phí Tòa án.

1. Tuyên bố: bị cáo Lê Tuấn A phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt bị cáo Lê Tuấn A 06 (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo thời gian thử thách là 12 (Mười hai) tháng; thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 16/02/2022. Giao bị cáo Lê Tuấn A cho UBND xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình theo dõi giám sát giáo dục trong thời gian chấp hành án. Gia đình bị cáo Lê Tuấn A có trách nhiệm phối hợp với UBND xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

Nếu bị cáo Lê Tuấn A thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 68, Điều 92 luật Thi hành án hình sự.

(Trong thời gian thử thách nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 BLHS).

2. Về án phí hình sự sơ thẩm: bị cáo Lê Tuấn A phải nộp 200.000^d.

3. Quyền kháng cáo:

- Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án;
- Anh Tự, anh Tiến có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người liên quan;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND thành phố N;
- Công an thành phố N;
- THA.DS thành phố N;
- Thi hành án HS;
- Sở Tư pháp Ninh Bình;
- Lưu (hồ sơ, VP);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Ngọc Bình

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Văn Mão Nguyễn Thị Dung

Nguyễn Ngọc Bình

